TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2257/2023/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991
Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Tây Bắc 2, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

-Bị đơn: Ông **Phan Thiên T**, sinh năm 1988
Hộ khẩu thường trú: 27/8T, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà H và ông T đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thiên T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu

thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông T cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung là cháu Phan Duy K, sinh ngày 05/06/2013 và cháu Phan Hạo N, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn, bà có nguyện vọng giao cháu K, cháu N cho ông Phan Thiên T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, bà không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của ông Phan Thiên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà H về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh sau đó. Nay ông xét thấy tình cảm của ông với bà H cũng không còn, cả hai cũng không thể sống chung được với nhau nữa. Do đó, nay bà H xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà H có hai người con chung là cháu Phan Duy K, sinh ngày 05/06/2013 và cháu Phan Hạo N, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn, ông có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K, cháu N. Tạm thời, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông và bà H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Phan Duy K, sinh ngày 05/06/2013 và cháu Phan Hạo N, sinh ngày 05/02/2015 cho ông Phan Thiên T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, bà H không phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Phan Thiên T, sinh năm 1988, có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Phan Thiên T cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; bà Nguyễn Thị H sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị H khai thì bà và ông Phan Thiên T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Lời trình bày này của bà H cũng được ông T thừa nhận tại bản tự khai của ông T, đồng thời ông cũng thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà H - ông T không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Phan Thiên Tlà hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T có hai người con chung là cháu Phan Duy K, sinh ngày 05/06/2013 và cháu Phan Hạo N, sinh ngày 05/02/2015. Ly hôn, bà H có nguyện vọng giao cháu K, cháu N cho ông Phan Thiên T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Xét thấy, ông T cũng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng các con; cháu K, cháu N có mong muốn xin ở với ông T nên giao cháu K, cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng cho con chung, do ông T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hòa. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Thiên T.

- Về con chung: Giao cháu Phan Duy K, sinh ngày 05/06/2013 và cháu Phan Hạo N, sinh ngày 05/02/2015 cho ông Phan Thiên T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm thời, bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng cho con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên bà H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008977 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thiên T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**